

TAND THỊ XÃ THÁI HÒA
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/DS-ST

Ngày: 05/02/2018

“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Hương Giang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thanh Tùng

2. Ông: Ngô Sỹ Lượng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Toà án nhân dân Thị xã T - Tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2018 tại Trụ sở toà án nhân dân thị xã T, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2017/TLST-DS ngày 10/10/2017 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-DS ngày 10/01/2018 và các quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-DS ngày 26/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Trụ sở: Tháp B, 35 H, Hoàn K, Hà N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T

Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn T

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh P (Theo văn bản ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ.

Những người được ủy quyền lại:

- Ông Nguyễn Trung K

Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý rủi ro (theo văn bản ủy quyền số 64/QĐ-BIDV.PQ ngày 26/01/2018 của ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh P) - có mặt

- Ông Trần Việt V

Chức vụ: Chuyên viên tổ xử lý thu hồi nợ xấu (theo văn bản ủy quyền số 419/QĐ-BIDV.PQ ngày 10/08/2017 của ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh P) - có mặt

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Hồng T, Sinh năm: 1968 (có mặt)
- Ông Hồ Văn T, Sinh năm 1967 (vắng mặt không có lý do)

Đều trú tại: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hồ Thị Hiền T sinh năm 1990
- Chị Hồ Thị Hồng T, sinh năm 1996

Đều trú tại: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh N
(đều vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2017 và các tài liệu, chứng cứ cũng như lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay đại diện cho Ngân hàng TMCP Đ ông Trần Việt V trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P và bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Hồ Văn T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 12-88/2012 ngày 21/8/2012. Theo đó, ngân hàng đã cho bà T, ông T vay với tổng số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Mục đích cho vay để sửa chữa nhà ở; Thời hạn cho vay 03 (ba) năm; lãi suất cho vay trong hạn: ba tháng đầu lãi suất cố định 15%/năm, sau 03 tháng xác định lại lãi suất một lần và lãi suất áp dụng bằng lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn và sẽ điều chỉnh lãi suất khi biến động về lãi suất từng thời kỳ.

Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 12-88/2012/HĐTC ngày 02/8/2012 là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 596574 do UBND huyện Nghĩa Đàn cấp ngày 30/12/1995 cho gia đình bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số 151; tờ bản đồ số 9; địa chỉ thửa đất tại Xóm Q, xã N, huyện N (nay là khối Q, , phường Q, thị xã T, tỉnh N); diện tích đất 166m² (trong đó đất ở 150m²; đất vườn 16m² và tài sản gắn liền trên đất gồm một ngôi nhà ống, 03 gian, nền lát gạch men liên doanh, mái lợp ngói + pro-xi-măng, diện tích 50m² xây dựng năm 1986. Tổng trị giá tài sản đất và tài sản gắn liền với đất là 265.600.000đ (hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng)

Sau khi vay vốn đến nay, Bà T và ông T mới chỉ trả được số tiền lãi trong hạn là 29.650.000đ (hai mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Bà T và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay trên đã chuyển nợ quá hạn (thời gian quá hạn có bảng tích kê kèm theo). Hiện tại (tính đến ngày xét xử hôm nay 05/02/2018) bà T và ông T đang còn nợ tổng số tiền tính đến ngày 05/02/2018 là 339.792.222đ (trong đó tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn là 19.813.889đ (mười chín triệu, tám trăm mười ba nghìn, tám trăm tám chín đồng); tiền lãi quá hạn là 119.978.333đ (một trăm mười chín triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm ba ba đồng). Số tiền nợ gốc quá hạn và tiền lãi trên Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà T, ông T trả nợ, nhưng Bà T, ông T không thực hiện đúng các

nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng như đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Nay Ngân hàng yêu cầu buộc bà T, ông T trả nợ các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng và buộc bà T, ông T tiếp tục trả lãi suất phát sinh trên số tiền gốc kể từ ngày 05/02/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn quy định trong các hợp đồng tín dụng. Trường hợp bà T, ông T không trả nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu duy trì tài sản đã thế chấp để đảm bảo thi hành án. Nếu toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bà Thẩm, ông Tình với ngân hàng thì bà T ông T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết các khoản nợ cho ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Bị đơn thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng số 12-88/2012 ngày 21/8/2012 để vay của ngân hàng tổng số tiền vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), đến nay mới chỉ trả được cho Ngân hàng tổng số tiền lãi trong hạn là 29.650.000đ (hai mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) như ngân hàng trình bày là đúng, bị đơn đồng ý hiện tại đang còn nợ tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn là 19.813.889đ (mười chín triệu, tám trăm mười ba nghìn, tám trăm tám chín đồng); tiền lãi quá hạn là 119.978.333đ (một trăm mười chín triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm ba ba đồng). Do hiện nay bị đơn đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nên không có khả năng để trả tiền gốc và lãi một lần cho Ngân hàng mà đề nghị cho bị đơn được trả dần hàng tháng. Bị đơn đồng ý nếu trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì xử lý tài sản đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng không đồng ý với ý kiến của bị đơn về đề nghị xin trả tiền gốc và lãi dần hàng tháng, vì hiện nay khoản nợ gốc và lãi suất của bà T, ông T đã quá hạn lâu năm. Nên Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự tố tụng và hợp pháp nhưng phía bị đơn ông Hồ Văn T, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Hiền T và Hồ Thị Hồng T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Không đến tòa để làm việc và tham gia hòa giải và công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa đều không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn bà T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông Hồ Văn T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Hiền T và chị Hồ Thị Hồng T từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai bị đơn ông T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nên tòa

án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Do bà T và ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà T và ông T phải trả các khoản tiền nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng theo hợp đồng đã thỏa thuận. Về hợp đồng thế chấp tài sản: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị Tòa án tuyên tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án trong trường hợp bà T và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Về án phí: Buộc bà T và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật và hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện, đầy đủ chứng cứ của vụ án, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến xét xử lần thứ hai bị đơn ông Hồ Văn T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị T, chị T đã không chấp hành nghĩa vụ và từ bỏ quyền lợi của mình, cụ thể không đến tòa để thực hiện việc viết bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cũng như các phiên hòa giải theo quy định của pháp luật, mặc dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa đến lần thứ hai đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 199; Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét chủ thể tham gia ký kết hợp đồng tín dụng đều đúng quy định của pháp luật và đủ năng lực hành vi dân sự. Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ theo pháp luật về hình thức và nội dung.

Do đương sự một bên nhằm mục đích lợi nhuận, còn một bên không có mục đích lợi nhuận mà phục vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với hợp đồng tín dụng số 12-88/2012 ngày 21/8/2012 nguyên đơn Ngân hàng Đ - Chi nhánh P và bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T đều thừa nhận có ký kết. Theo đó Ngân hàng Đ - Chi nhánh P cho bà T, ông T vay tổng số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giải ngân theo đúng thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng. Kể từ sau khi vay vốn cho đến nay Ngân hàng và bà T đều xác nhận đã trả được tổng số tiền lãi trong hạn là 29.650.000đ (hai mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Hiện tại các bên thừa nhận tính đến ngày xét xử hôm nay (05/02/2018) còn nợ số tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn là 19.813.889đ (mười chín triệu, tám trăm mười ba nghìn, tám trăm tám chín đồng); tiền lãi quá hạn là 119.978.333đ (một trăm mười chín triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm ba ba đồng). Phía bị đơn bà T đề nghị Ngân hàng xem xét cho bà được trả dần tiền gốc và lãi hàng tháng vì hiện tại điều kiện hoàn cảnh kinh tế đang gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên Ngân hàng không đồng ý với ý kiến của bị đơn về đề nghị xin trả tiền gốc và lãi dần hàng tháng, vì hiện nay khoản nợ gốc và lãi suất của bà T, ông T đã quá hạn lâu năm. Nên Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn.

Như vậy, việc Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Hồ Văn T phải trả các khoản tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ, nên buộc bà T và ông T phải trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng là 339.792.222đ (trong đó tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn là 19.813.889đ (mười chín triệu, tám trăm mười ba nghìn, tám trăm tám chín đồng); tiền lãi quá hạn là 119.978.333đ (một trăm mười chín triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm ba ba đồng)).

[2.2] Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay đối với Ngân hàng phía bị đơn bà T thừa nhận đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 12-88/2012/HĐTC ngày 02/8/2012 là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 596574 do UBND huyện N cấp ngày 30/12/1995 cho gia đình bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số 151; tờ bản đồ số 9; địa chỉ thửa đất tại Xóm Q, xã N, huyện N (nay là khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh N); diện tích đất 166m² (trong đó đất ở 150m²; đất vườn 16m² và tài sản gắn liền trên đất gồm một ngôi nhà ống, 03 gian, nền lát gạch men liên doanh, mái lợp ngói + pro-xi-măng, diện tích 50m² xây dựng năm 1986. Tổng trị giá tài sản đất và tài sản gắn liền với đất là 265.600.000đ (hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng) là tài sản hợp pháp của gia đình bà. Tuy nhiên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình bà được cấp nêu trên thì ghi tên bà là Nguyễn Thị T, trong khi đó theo các giấy tờ như đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu tên của bà là Nguyễn Thị Hồng T, bà cho rằng do UBND huyện trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã để xảy ra sai sót ghi thiếu tên lót của bà. Bà thừa nhận Nguyễn Thị T trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Nguyễn Thị Hồng T đều là bà và điều này bà đã được UBND phường Q, thị xã T, tỉnh N xác nhận.

Quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến phiên tòa lần thứ hai bị đơn ông Hồ Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với hợp đồng thế chấp trên không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Cụ thể không đến tòa một lần nào để tham gia tố tụng, từ bỏ quyền lợi của mình và xét thấy hợp đồng thế chấp trên cũng đảm bảo có hiệu lực của hợp đồng, do đó phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên.

Như vậy, có căn cứ để xác định tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của bà T và ông T tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là tài sản hợp pháp của gia đình bà T và ông T. Các thành viên trong hộ đều ký kết hợp đồng thế chấp đầy đủ và những người ký kết hợp đồng đều có năng lực hành vi dân sự. Mục đích và nội dung của hợp đồng thế chấp không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Bên thế chấp và bên nhận thế chấp hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng thế chấp đều được chứng thực tại UBND xã, phường và đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký nhà đất đúng quy định của pháp luật.

Do đó tài sản thế chấp này được tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án trong trường hợp bà T và ông T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí: Bà T và ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền tạm ứng án phí của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P đã nộp, nay được hoàn trả lại cho Ngân hàng do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 26, 35, 39, 144, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự; Điều 91; 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Điều 147 của BLTTDS và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Hồ Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Hồ Văn T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 339.792.222đ (trong đó tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn là 19.813.889đ (mười chín triệu, tám trăm mười ba nghìn, tám trăm tám chín đồng); tiền lãi quá hạn là 119.978.333đ (một trăm mười chín triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm ba ba đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà T, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà T, ông T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án trong trường hợp Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Hồ Văn T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng là: hợp đồng thế chấp tài sản số 12-88/2012/HĐTC ngày 02/8/2012 là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 596574 do UBND huyện N cấp ngày 30/12/1995 cho gia đình bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số 151; tờ bản đồ số 9; địa chỉ thửa đất tại Xóm Q, xã N, huyện N (nay là

khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh N); diện tích đất 166m² (trong đó đất ở 150m² ; đất vườn 16m² và tài sản gắn liền trên đất gồm một ngôi nhà ống, 03 gian, nền lát gạch men liên doanh, mái lợp ngói + pro-xi-măng, diện tích 50m² xây dựng năm 1986.

3. Về án phí DSST:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Hồ Văn T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.989.611đ (mười sáu triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm mười một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P số tiền 8.213.500đ (tám triệu, hai trăm mười ba nghìn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006304 ngày 06 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh N.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh N. Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã T
- TAND tỉnh N
- Chi cục THADS
- Các đương sự
- Lưu HSVA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Hương Giang